

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-5-2022  
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Vân là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:**  
Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thanh T, sinh năm: 1988 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1986 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Cùng địa chỉ: Số 108/30 đường S, quận C, TP. Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thanh T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Minh T1 kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 108/30 đường S, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào năm 2019. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông T1 không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Mọi việc trong gia

đình, con cái đều do bà chăm lo. Hai bên gia đình đã kHên nhủ và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

*Về con chung:* Bà T xác định vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Dương Gia H, sinh ngày: 23/6/2015 và Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 22/6/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Gia H và giao cháu Nguyễn Dương Gia B cho ông Nguyễn Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại đơn trình bày đề ngày 27/4/2022 và tại phiên tòa, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T xác định vợ chồng không có.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T1:* Mặc dù ông T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Minh T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thanh T .

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thanh T đối với ông Nguyễn Minh T1.

*Về nuôi con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu Nguyễn Dương Gia H, sinh ngày: 23/6/2015 và Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 22/6/2017 cho bà Dương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Dương Thanh T xác định vợ chồng không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về án phí:* Bà Dương Thanh T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn đề xin ly hôn và nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có địa chỉ tại: Số 108/30 đường S, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T1.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thanh T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160/2013, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 18/11/2013. Do đó, hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T1 và bà Dương Thanh T là hợp pháp, được nhà nước công nhận và B vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Thanh T, HĐXX nhận thấy: Theo xác minh tại nơi cư trú của ông Nguyễn Minh T1 và ông Dương Thanh T thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông T1 và bà T có xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Minh T1 vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Nguyễn Minh T1 bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Dương Thanh T. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Dương Thanh T và ông Nguyễn Minh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Dương Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

[5] Về con chung:

[5.1] Bà Dương Thanh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Dương Gia H, sinh ngày: 23/6/2015 và Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 22/6/2017. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Cháu B và cháu H đều chưa đủ 7 tuổi, cần sự chăm sóc của

mẹ. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu B và cháu H cho bà Dương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của 02 cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thanh T về việc giao con chung Nguyễn Dương Gia H và Nguyễn Dương Gia B cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Nguyễn Minh T1 và bà Dương Thanh T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thanh T xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thanh T đối với ông Nguyễn Minh T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160/2013, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 18/11/2013 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Dương Gia H, sinh ngày: 23/6/2015 và Nguyễn Dương Gia B, sinh ngày 22/6/2017 cho bà Dương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001715 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Dương Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**